| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hoàng Phúc

Ông Hồ Văn Sơn

***Thư ký phiên toà:*** Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 18/2025/QĐ-CA, ngày 22 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1978;

2. Bị đơn: Ông Văn Đức T1, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: Số nhà B, đường số A, thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng.

*Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không lý do.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Bà Hoàng Thị T, ông Văn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn bà T, ông T1 chung sống hạnh phúc được khoảng 22 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T1 rượu chè, cờ bạc, không chăm lo làm ăn, nhiều lần say xin gây sự, đánh đập và đuổi bà T ra khỏi nhà. Mặc dù, bà T đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng ông T1 vẫn không thay đổi được, nên cuộc sống vợ chồng nhiều áp lực. Hiện nay, bà T không còn tình cảm với ông T1 và không mong muốn tiếp tục chung sống với ông T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ.

*Đối với bị đơn ông Văn Đức T1:*

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Văn Đức T1.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Văn Đức T1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng và quan hệ tranh chấp cần giải quyết là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

[2] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Bà Hoàng Thị T, ông Văn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn bà T, ông T1 chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù, bà T đã nhiều lần khuyên bảo, động viên ông T1 thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả, từ đó cuộc sống vợ chồng nhiều áp lực; hiện nay bà T không còn tình cảm với ông T1 nên đề nghị giải quyết ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 22/7/2025 ghi nhận trong quá trình chung sống ông T1, bà T nảy sinh nhiều mẫu thuẫn. Bản thân ông T1, sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến, điều đó chứng tỏ ông T1 cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với bà T. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nên, cần xử cho bà T được ly hôn với ông T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[6] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T ly hôn ông Văn Đức T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63, đăng ký ngày 03 tháng 3 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) giữa bà Hoàng Thị T và ông Văn Đức T1 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trư vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ưng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sư huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17-Lâm Đồng) theo biên lai thu số 0005343 ngày 08/4/2025. Bà Hoàng Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- UBND xã Nam Thành, tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THA DS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đình Trường**